| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NĂM CĂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 18-5-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Vũ Xuân Chính.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N, (viết tắt Ngân hàng).

Trụ sở: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Thế H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Năm Căn.

Địa chỉ: Số 107A, đường Hùng Vương, khóm 7, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

*Bị đơn:* - Bà Đỗ Kim U, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp cho bà U: Ông Quách Trọng P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh C; là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

- Ông Phan Văn M, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày yêu cầu:*

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 bà Đỗ Kim U đã đề nghị vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam để vay số tiền 40.000.000 đồng. Ông Phan Văn M lập giấy ủy quyền cho bà U vay vốn tại Ngân hàng vào ngày 01 tháng 7 năm 2019. Mục đích vay vốn thực hiện phương án tôm giống, cải tạo vuông. Đến ngày 20 tháng 7 năm 2019 Ngân hàng đã giải ngân cho bà U và người thừa kế (ông M) số tiền 40.000.000 đồng, theo khế ước vay tiền số 6600000715846698, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả vào ngày 20 tháng 7 năm 2024, lãi suất vay 8,250%/năm, lãi suất quá hạn 10,725%/năm. Số tiền còn nợ đến ngày khởi kiện ngày 17/12/2021: Vốn gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 1.627.398 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà U và ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M liên đới thanh toán tổng số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 17/12/2021 là 41.627.398 đồng (trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 1.627.398 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ sau ngày 17/12/20221 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

** Người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Đỗ Kim U trình bày:* Bà U đồng ý thanh toán ½ trên tổng số tiền mà Ngân hàng khởi kiện bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M.

** Đối với bị đơn ông Phan Văn M:* Quá trình giải quyết vụ án ông M không có văn bản phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án triệu tập ông M tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M đều vắng mặt không lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Dương Thế H đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi kiện bà U, ông M thì vào ngày 20/12/2021 phía bà U có đóng lãi cho Ngân hàng và ngưng thanh toán lãi cho đến nay. Ông H bảo lưu

yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà U, ông M liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền vốn vay 40.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 17/5/2022 là 1.509.427 đồng.

Đồng thời yêu cầu bà U, ông M tiếp tục thanh toán lãi suất phát sinh kể từ sau ngày 17/5/2022 cho đến khi bà U, ông M thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

- Ông Quách Trọng P đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Đỗ Kim U trình bày: Bà U có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền 40.000.000 đồng, khoản vay này trong thời kỳ hôn nhân giữa bà U và ông M, vay vốn để phục vụ cho cuộc sống của gia đình và được sự ủy quyền từ ông M nên bà U đồng ý liên đới với ông M thanh toán ½ khoản vay và lãi suất cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Phan Văn M trình bày: Không đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng vì không có ký hợp đồng vay vốn và không ký giấy ủy quyền cho bà U vay vốn tại Ngân hàng. Ông M xác định ông không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông trong Giấy ủy quyền lập ngày 01 tháng 7 năm 2019.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N yêu cầu bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M thanh toán tiền vốn vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M cư trú tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh C nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung:

* Xét hợp đồng tín dụng:

Ngày 20 tháng 7 năm 2019 Ngân hàng đã giải ngân cho bà U số tiền vốn vay 40.000.000 đồng, theo khế ước vay tiền số 6600000715846698, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả vào ngày 20 tháng 7 năm 2024, lãi suất vay 8,250%/năm, lãi suất quá hạn 10,725%/năm. Bà U thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N để vay số tiền trên. Đối với ông M không có văn bản phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6600000715846698 ký ngày 20 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự là thực tế có xảy ra.

* Xét về trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng*:*

Nội dung hợp đồng tín dụng ghi nhận bà U vay vốn số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là để thả tôm giống và cải tạo vuông. Ông M tuy không trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng nhưng việc bà U vay vốn ông M biết mà không phản đối, thể hiện qua Giấy ủy quyền ngày 01 tháng 7 năm 2019 ông M ủy quyền cho bà U vay vốn, cùng ngày với ngày bà U lập giấy đề nghị vay vốn tại Ngân hàng (bút lục số 02). Tại phiên tòa ông M xác định ông không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông trong Giấy ủy quyền lập ngày 01/7/2019 như vậy mặc nhiên ông M thừa nhận khoản vay này.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy khoản vay của bà U, ông M chưa đến hạn thanh toán nhưng quá trình vay vốn bà U, ông M đã vi phạm hợp đồng tín dụng, cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà U, ông M thanh toán nợ vay và lãi suất.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 bà U và ông M đã được Tòa án nhân dân huyện N công nhận thuận tình ly hôn, về tài sản chung và công nợ bà U, ông M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, thể hiện tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021.

Mặt khác, tại Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ, chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp, vợ, chồng và người thứ ba có thỏa thuận khác*". Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*, như vậy việc bà U vay vốn Ngân hàng là để phục vụ cuộc sống gia đình và khoản nợ này hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà U và ông M do đó Ngân hàng yêu cầu bà U và ông M liên đới thanh toán nợ là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Buộc bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 17/5/2022 là 41.509.427 đồng (trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 1.509.427 đồng). Bà U, ông M mỗi người thanh toán ½ là 20.755.000 đồng (tính tròn).

Kể từ ngày 18/5/2022 bà U, ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường

hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 11 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.038.000 đồng (tính tròn).

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N.

Buộc bà Đỗ Kim U và ông Phan Văn M liên đới thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 17/5/2022 là 41.509.427 đồng (trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 1.509.427 đồng). Bà U, ông M mỗi người thanh toán ½ là 20.755.000 đồng (tính tròn).

Kể từ ngày 18/5/2022 bà U, ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất

cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Đỗ Kim U và ông Phan Văn M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.038.000 đồng (tính tròn), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt N thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Hồng Ngân**